TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 51/2019/DS - ST
Ngày: 30/9/2019
V/v: " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Tú

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc

Ngày 30 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63A/2019/QĐST-DS, ngày 09 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Ánh D, S năm 1954 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 09, phường Đồng Quang, TP TH, tỉnh TH

Bị đơn: Chị Phạm Thị Kim N, S năm 1967

Cư trú: Tổ 05, P. Trung Thành, TP TH, tỉnh TH (Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Xuân S,

HKTT: Tổ 05, phường Trung Thành, thành phố TH (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Ánh D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 16/4/2015 ông có cho chị

Phạm Thị Kim N vay 01 khoản tiền là 227.500.000đ(Hai trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), có viết giấy vay, nợ tiền đề ngày 16/4/2015. Nội dung giấy vay tiền 227.500.000 đồng, thời hạn vay tối đa 06 tháng tính từ ngày vay, lãi suất vay 2%/ tháng, sau đó thống nhất theo thỏa thuận miệng lại là 1,5%/tháng. Tiền lãi được trả 03 tháng 1 lần. Nếu không trả được tiền lãi cộng dồn vào tiền gốc. Thời gian nợ quá hạn tối đa là 05 tháng tính từ ngày hết hạn vay. Để làm tin với khoản tiền trên chị N đã giao cho ông 01 giấy chứng nhận QSD đất số I 279364 do UBND tỉnh TH cấp ngày 03/03/1997 mang tên ông Bùi Xuân S(chị N nói đã mua lại của ông Bùi Xuân S nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên theo quy định). Nếu quá thời hạn vay mà chị N không trả được khoản tiền trên thì chị N sẽ chuyển nhượng QSD đất sang cho ông. Do tin tưởng ông đã cho chị N vay khoản tiền trên, tuy nhiên đến hạn thanh toán chị N không đến trả cho ông số tiền đã vay, hết cả thời gian nợ quá hạn là 05 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán là 16/10/2019(11 tháng) chị N cũng không thanh toán tiền gốc và lãi suất theo như thỏa thuận, mặc dù ông đã đòi rất nhiều lần nhưng chị N khất nần không trả tiền cho ông và có biểu hiện trốn tránh. Ông có gặp và trao đổi với chị N nếu không trả được thì chuyển QSD đất sang tên cho ông, nhưng chị N không gửi cho ông giấy tờ chị N mua bán QSD đất với ông Bùi Xuân S nên ông không làm thủ tục được. Ông xác định khi cho vay, ông chỉ cho chị N vay tiền, ngoài ra không cho ai vay cùng khoản nợ trên và không có ai đứng ra làm chứng về việc vay khoản tiền trên. Nay ông yêu cầu chị N phải có trách nhiệm trả cho ông toàn bộ số nợ gốc là 227.500.000 đồng và lãi suất theo lãi suất cơ bản của ngân hàng kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là 17/03/2016 đến thời điểm xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân S trình bày*: Ông xác định ông không có liên quan gì đến khoản nợ giữa ông Bùi Ánh D và chị Phạm Thị Kim N, ông không biết và không có mối quan hệ gì đối với ông D. Do có mối quan hệ quen biết với chị Phạm Thị Kim N và anh Hà chồng chị N nên giữa ông và chị N, anh Hà có giao dịch với nhau về chuyển nhượng QSD đất của ông sang cho chị N, tuy nhiên về thủ tục pháp lý chuyển nhượng theo quy định pháp luật giữa ông với chị N chưa làm xong, ông có giao cho chị N 01 giấy chứng nhận QSD đất số I 279364 do UBND tỉnh TH cấp ngày 03/03/1997 mang tên ông là Bùi Xuân S để hai bên sẽ làm thủ tục hoàn tất sau. Nay chị N mang giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông đi thế chấp để vay tiền ông D ông không biết, không liên quan và không có ý kiến gì về giấy Chứng nhận

QSD đất trên khi ông đã đưa cho chị N. Về việc chuyển nhượng QSD đất theo thủ tục pháp lý từ ông sang cho chị N ông đề nghị sau khi gặp trực tiếp vợ chồng chị N sẽ xử lý sau. Ông đề nghị được giải quyết vắng mặt ông tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, tuy nhiên chị N sau khi được tống đạt hợp lệ không đến Tòa án để trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, những lần triệu tập khác đến để hòa giải theo quy định. Ông D có mặt, chị N, ông S vắng mặt, do vậy không tiến hành hòa giải được với các đương sự.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết tại địa phương các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị N nhưng chị N vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Kim N

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Ánh D đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc chị Phạm Thị Kim N phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền gốc 227.500.000 đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền trên cho đến ngày xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đối quy định pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 227.500.000 đồng. Trả lại giấy chứng nhận QSD đất số QSD đất số I 279364 do UBND tỉnh TH cấp ngày 03/03/1997 mang tên ông Bùi Xuân S cho chị N quản lý sử dụng.

Về khoản tiền lãi: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật đối với khoản tiền vay ngày 16/4/2019 kể từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử vụ

án.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Tổ 05, phường Trung Thành, thành phố TH tỉnh TH. Căn cứ Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị Kim N đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Xuân S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Kim N, ông Bùi Xuân S tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy:

Tại giấy vay tiền ngày 16/4/2015 thể hiện nội dung vay số tiền 227.500.000 đồng, thời hạn vay tối đa 06 tháng tính từ ngày vay, lãi suất vay 2%/ tháng, sau đó thống nhất theo thỏa thuận miệng lại là 1,5%/tháng. Tiền lãi được trả 03 tháng 1 lần. Nếu không trả được tiền lãi cộng dồn vào tiền gốc. Thời gian nợ quá hạn tối đa là 05 tháng tính từ ngày hết hạn vay(16/10/2015). Để đảm bảo với khoản tiền trên chị N đã giao cho ông D 01 giấy chứng nhận QSD đất số I 279364 do UBND tỉnh TH cấp ngày 03/03/1997 mang tên ông Bùi Xuân S(chị N nói đã mua lại của ông Bùi Xuân S nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên theo quy định). Nếu quá thời hạn vay mà chị N không trả được khoản tiền trên thì chị N sẽ chuyển nhượng QSD đất sang cho ông. Tuy nhiên đến hạn thanh toán, chị N đã không trả được cho ông D khoản tiền trên. Xét trên giấy vay, nợ tiền có thể hiện chữ ký của bên cho vay và bên vay, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc 227.500.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

[3]. Về khoản tiền lãi : Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định pháp luật đối với khoản tiền trên kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến thời điểm xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

* Về khoản tiền vay 227.500.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 16/4/2015 đến thời hạn thanh toán theo thỏa thuận là 06 tháng(16/10/2015) bị đơn không trả được

khoản tiền trên. Tiếp đó đến thời hạn tối đa tính từ ngày hết hạn vay là 5 tháng (ngày 16/03/2016) bị đơn vẫn không trả được khoản nợ trên, Như vậy khi đến hạn trả nợ bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005 *" Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,.....Trường hợp lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực pháp luật".* Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ đề nghị được tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng.

Để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn đối với khoản tiền vay trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ ấn định đối với từng khoản nợ vay. Căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công văn số 244/TANDTC – KHXX ngày 05/11/2012 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 0,75%/tháng, tương đương 9,00%/ năm. Cụ thể như sau:

+ Khoản vay ngày 16/4/2015 : Thời điểm tính lãi từ ngày 17/03/2016 đến ngày 30/9/2019 là:

227.500.000đ x 0,75% x 42 tháng = 71.662.500.000 đồng

227.500.000 đ x (0,75% : 30 ngày) x 12 ngày = 682.500 đồng

Tổng cộng: **72.345.000 đồng**

* Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 227.5002.000đ + 72.345.000 đồng = **299.845.000 đồng(** Hai trăm chín mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm đồng).

[4]. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 279364 do UBND tỉnh TH cấp ngày 03/03/1997 mang tên ông Bùi Xuân S, quá trình vay tiền, chị N đã đưa cho ông D để đảm bảo cho khoản vay trên và thỏa thuận nếu không trả được khoản tiền trên thì sẽ làn thủ tục chuyển QSD đất sang cho ông D để trừ nợ. Tuy nhiên giấy chứng nhận QSD đất trên mang tên ông Bùi Xuân S, quá trình xác minh ông S thừa nhận có giao cho chị N giấy chứng nhận QSD đất trên nhưng giữa ông với chị N có giao dịch dân sự khác chưa thực hiện xong, ông S không biết chị N mang giấy chứng nhận QSD đất trên đi giao cho ông D để đảm bảo việc vay tiền, ông xác định không liên quan và không có ý kiến đề nghị gì trong vụ án này, việc giao dịch dân sự giữa ông và chi N sẽ tự giải quyết. Xét thấy giấy chứng nhận QSD đất trên chị N đưa cho ông D để đảm bảo việc vay tiền không mang tên chị N, thỏa thuận chuyển

nhượng QSD đất trên sang cho ông D để trừ nợ luật nhằm che giấu giao dịch dân sự khác là trái với quy định pháp luật, nên cần trả lại cho cho chị N giấy chứng nhận QSD đất trên.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[4]. Về án phí**:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 269; điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

- Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ánh D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với chị Phạm Thị Kim N

Buộc chị Phạm Thị Kim N phải có trách nhiệm trả ông Bùi Ánh D số tiền gốc 227.500.000 đ(Hai trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)

Buộc chị Phạm Thị Kim N phải có trách nhiệm trả khoản tiền lãi đối với khoản tiền gốc tính đến ngày xét xử 28/8/2019 là: 72.345.000 đồng

Chị Phạm Thị Kim N phải trả khoản tiền vay tính đến ngày xét xử 30/9/2019 là:

Tiền nợ gốc 227.500.000đ + tiền lãi chậm trả 72.345.000 đồng = **299.845.000 đồng(** Hai trăm chín mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Ông Bùi Ánh D phải trả lại giấy chứng nhận QSĐ đất 01 giấy chứng nhận QSD đất số I 279364 do UBND tỉnh TH cấp ngày 03/03/1997 mang tên ông Bùi Xuân S cho chị Phạm Thị Kim N.

4 Án phí: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu 14.992.250 đồng (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả ông Bùi Ánh D số tiền 5.675.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH theo biên lai số 0007419 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTH;
- Đương sự;
- UBND phương(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTH;
- Đương sự;
- UBND phương(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư